

Bản án số: 74/2019/HS-ST

Ngày: 22/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Huy
2. Bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Chính Hường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2019/HSST ngày 30/8/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐXXHS – HS ngày 24 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Trương Văn T**, sinh năm 1991, Nơi cư trú: AT, thị trấn KM, huyện KM, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn H, sinh năm 1965 và bà Trần Thị H1, sinh năm 1970; Tiền sự: Không.

Tiền án: 02 tiền án:

- Tại bản án số 40/2012/HS-ST ngày 12/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xử phạt 10 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Ngày 12/9/2016, T chấp hành xong phần thi hành án dân sự của bản án (hình phạt bổ sung 3 triệu đồng, án phí 200.000đ).

- Tại bản án số 34/2016/HS-ST ngày 22/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 29/8/2017, T chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 11/10/2016, T chấp hành xong phần thi hành án dân sự của bản án (tiền án phí 200.000đ và tiền sung quỹ Nhà nước

1.500.000 đồng)

Nhân thân:

+ Năm 2012, Công an huyện Kinh Môn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 35/QĐ-XPHC ngày 01/3/2012 bằng hình thức phạt tiền về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 05/3/2012, T thi hành xong khoản tiền phạt.

+ Năm 2012, Công an huyện Kinh Môn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC ngày 25/12/2012 bằng hình thức phạt tiền về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 26/12/2012, T thi hành xong khoản tiền phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi – Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 04/4/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1992, Nơi cư trú: thôn HĐ, xã HP, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị T2; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an thành phố Hải Phòng trong một vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:**

1. Bà Hoàng Thị T3, sinh năm 1956. Vắng mặt

2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1955. Vắng mặt

Đều có địa chỉ: Thôn 2, xã HA, huyện KM, tỉnh Hải Dương;

Ông Nguyễn Văn N ủy quyền cho bà bà Hoàng Thị T3 tham gia tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

3. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1970. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn NU, xã LX, huyện KM, tỉnh Hải Dương;

- **Người làm chứng:** Bà Lê Thị Q, sinh năm 1948. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu VQ, thị trấn KM, huyện KM, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 25/01/2019, Trương Văn T điều khiển xe mô tô lại Future, không đeo biển số đi từ HA, KM, Hải Dương về nhà. Trên đường về, khi đi đến nhà vợ chồng bà Hoàng Thị T3 và ông Nguyễn Văn N ở thôn 2, HA, KM, Hải Dương, T quan sát thấy nhà đang xây dựng chưa có cửa và cổng thì nảy sinh ý định vào trộm cắp tài sản. T dựng xe máy ở ngoài cổng rồi đi vào trong tầng 1

thấy ở khu vực cầu thang bên trái phòng khách có 07 thùng sơn USA Color Lucky loại 18 lít/thùng (06 thùng còn nguyên chưa sử dụng và 01 thùng đã sử dụng hết ½), T tiếp tục đi vào phòng bên trái sau phòng khách thấy có 01 bộ vòi tắm hoa sen nhãn hiệu LINH ANJSC LEXAL gồm: 01 vòi sen, 02 cần gạt xả nước nhãn hiệu LEXAL và 02 dây dẫn nước bằng kim loại; T tiếp tục đi vào phòng bếp thì phát hiện có 01 bộ chậu rửa loại 02 ngăn nhãn hiệu DENSTA, các tài sản trên đều là tài sản của vợ chồng bà T3 ông N. T lấy 04 thùng sơn chưa sử dụng, 01 bộ vòi tắm hoa sen bê ra để lên xe mô tô đi về nhà cất giấu. Sau đó, T tiếp tục quay lại nhà bà T3 lấy 03 thùng sơn còn lại và 01 bộ chậu rửa hai ngăn nhãn hiệu DENSTA để lên xe rồi chở về nhà. Sau đó, T mang 07 thùng sơn sang ngôi nhà không có người ở của bà Lê Thị T4 cất giấu (T làm đổ gần hết 01 thùng sơn còn nguyên), số tài sản còn lại T cất giấu trên gác tầng một của gia đình T. Ngày 01/4/2019, bà T3 có đơn trình báo sự việc.

Tiếp đến vào khoảng 18 giờ ngày 22/3/2019, khi Trương Văn T đang ở nhà thì có Nguyễn Văn T1 đi xe mô tô loại Exciter (không rõ biển số) đến rủ T đi trộm cắp tài sản, T đồng ý và điều khiển xe máy trên chở T1 đi. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, khi đi đến nhà gia đình anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1970 ở NU, LX, KM, Hải Dương, T1 quan sát thấy cổng nhà không khóa, trong sân dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Dream biển số 34D1-162.79, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa (xe của anh P). T1 nói với T quay xe lại đứng ngoài cánh giới còn T1 đi vào trong sân dong chiếc xe mô tô trên ra ngoài nổ máy rồi điều khiển đi, T điều khiển xe của T1 theo sau. Cả hai đi về chỗ ở của gia đình T. Tại đây, T dùng cà lê tháo biển số của xe mô tô vắt sang ngôi nhà không có người ở của bà Lê Thị T4 ở cạnh nhà T sau đó vài ngày T1 quay lại nhà T và lắp biển số 14F2-7036 vào xe máy trộm cắp được để sử dụng đi lại. Ngày 30/3/2019, anh P có đơn trình báo sự việc.

Ngày 28/3/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện Kinh Môn tiến hành kiểm tra ngôi nhà của bà Lê Thị T4 phát hiện và thu giữ: 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA loại FZ 150 (không có biển số) số máy G3D1E009070, số khung MH3RG1110FK009019, 01 xe máy nhãn hiệu Honda loại Dream màu nâu lắp biển kiểm soát 14F2-7036; 05 thùng sơn USA Color Lucky còn nguyên chưa sử dụng, 01 thùng sơn còn ½ và 01 thùng sơn đã gần hết. Trương Văn T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 bộ vòi hoa sen LINH ANJSC LEXAL, 01 bộ chậu rửa DENSTA, 01 cà lê 10-14 bằng kim loại và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 màu đen.

Tại bản Kết luận định giá tài sản ngày 01/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Kinh Môn, kết luận: Xe máy nhãn hiệu Honda Dream màu nâu còn giá trị là 7.800.000đ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản ngày 02/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Kinh Môn, kết luận 06 thùng sơn USA Color Lucky loại 18 lít có tổng trị giá là 10.650.000đồng, 01 thùng sơn USA Color Lucky (loại 18 lít) còn trị giá 887.400đ, 01 bộ vòi hoa sen LINH ANJSC LEXAL có trị giá là 2.400.000đồng, 01 bộ chậu rửa DENSTA có trị giá là 1.600.000đồng. Tổng giá trị tài sản là 15.537.400đồng.

Đối với biển số 34D1-162.79 của xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Dream, T tháo vớt sang nhà bà Lê Thị T4, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kinh Môn đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Đối với chiếc xe mô tô Future màu sơn xanh không đeo biển số của T sử dụng đi trộm cắp tài sản, T đã bán cho một người phụ nữ thu mua sắt vụn (không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ) được 470.000đồng và xe mô tô loại Exciter không đeo biển số của T1 sử dụng đi trộm cắp tài sản, T1 đã bán cho một người thu mua sắt vụn (không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ) được 1.000.000đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Kinh Môn không thu giữ được.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại FZ 150 (không có biển số), T khai cùng T1 trộm cắp trên địa bàn huyện Thủy Nguyên – thành phố Hải Phòng, hiện đã được bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Thủy Nguyên để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 17/4/2019 và ngày 08/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Kinh Môn đã trả lại cho gia đình bà Hoàng Thị T3 07 thùng sơn (trong đó: 05 thùng sơn còn nguyên, 01 thùng sơn còn ½ và 01 thùng sơn đã gần hết), 01 bộ vòi tắm hoa sen, 01 bộ chậu rửa DENSTA; trả lại cho anh Nguyễn Văn P 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Dream màu nâu (không có biển số). Gia đình bà T3 và anh P không yêu cầu T phải bồi thường về dân sự.

Đối với biển số 14F2-7036, kết quả giám định xác định là biển số giả, Cơ quan điều tra – Công an huyện Kinh Môn đang quản lý.

Quá trình điều tra, bị cáo Trương Văn T, bị cáo Nguyễn Văn T1 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 68/CT - VKS ngày 30/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn đã truy tố bị cáo Trương Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự, bị cáo Nguyễn

Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như VKSND huyện Kinh Môn đã truy tố và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện VKSND huyện Kinh Môn giữ nguyên Quyết định truy tố; nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Trương Văn T, bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T1; điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trương Văn T; áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 đối với các bị cáo Trương Văn T và Nguyễn Văn T1.

Đề nghị áp dụng điểm r, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trương Văn T.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trương Văn T từ 36 đến 42 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/4/2019.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng, tiền án phí đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Kinh Môn; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Trương Văn T, Nguyễn Văn T1 đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình

như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của các bị cáo tại quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với tang vật chứng đã thu giữ cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 00 giờ ngày 25/01/2019, tại gia đình bà Hoàng Thị T3 và ông Nguyễn Văn N ở thôn 2, xã HA, huyện KM, tỉnh Hải Dương, Trương Văn T có hành vi **lén lút** chiếm đoạt của vợ chồng bà T3, ông N 07 thùng sơn nhãn hiệu USA Color Lucky loại 18 lit/1 thùng (06 thùng sơn còn nguyên, 01 thùng sơn còn ½), 01 bộ vòi tắm hoa sen, 01 bộ chậu rửa DENSTA. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 15.537.400 đồng.

Tiếp đó, khoảng 19 giờ ngày 22/3/2019, tại gia đình anh **Nguyễn Văn P ở NU, xã LX, huyện KM, tỉnh Hải Dương**, Trương Văn T và Nguyễn Văn T1 có hành vi **lén lút** chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1970 ở **ở NU, xã LX, huyện KM, tỉnh Hải Dương** 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Dream biển số 34D1-162.79, trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt 7.800.000đồng.

Hành vi lợi dụng sơ hở của chủ tài sản rồi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị cáo Trương Văn T và Nguyễn Văn T1 đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này, bị cáo T, bị cáo T1 cùng thực hiện hành vi đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn P vào ngày 22/3/2019, tổng giá trị tài sản bị cáo T và T1 chiếm đoạt là 7.800.000đồng. Hành vi của bị cáo T1 cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Riêng đối với bị cáo Trương Văn T thực hiện hành vi phạm tội vào các ngày 25/01/2019 và ngày 22/3/2019, bản thân bị cáo T đã bị hai lần bị Tòa án kết án, trong đó tại bản án số 34/2016/HS-ST ngày 22/6/2016, Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn đã xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm, bị cáo T mới chấp hành xong hình phạt ngày 29/8/2017, chưa được xóa án tích nay lại phạm tội, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn đã truy tố các bị cáo theo tội danh, điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

[3] *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:* Bị cáo T một mình thực hiện hành vi phạm tội ngày 25/01/2019. Đối với lần phạm tội ngày 22/3/2019, bị cáo T1 là kẻ chủ mưu, khởi xướng rủ bị cáo T đi trộm cắp tài sản, bản thân bị cáo T1 còn là người trực tiếp thực hiện hành vi lấy tài sản

nên bị cáo T1 là người giữ vai trò chính. Đối với bị cáo T đứng ngoài cảnh giới cho bị cáo T1 lấy tài sản nên bị cáo là đồng phạm tham gia với vai trò giúp sức. Về nhân thân: Bị cáo T có 02 tiền án, trong đó: tại bản án số 34/2016/HS-ST ngày 22/6/2016, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo T mới chấp hành xong hình phạt ngày 29/8/2017, chưa được xóa án tích. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân, nay lại phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Do vậy, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo T1 không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Đối với bị cáo T thực hiện các hành vi phạm tội vào các ngày 25/01/2019 và ngày 22/3/2019, cả hai lần chiếm đoạt tài sản đều đủ định lượng của tội “Trộm cắp tài sản” nên bị cáo T còn phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội từ 2 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn nên các bị cáo đều được áp dụng tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo T, khi hành vi phạm tội ngày 25/01/2019 bị phát hiện, bị cáo đã tự khai nhận về hành vi phạm tội của bản thân vào ngày 22/3/2019, ngoài ra bị cáo còn khai báo về hành vi phạm tội của bị cáo T1. Hành vi tự nguyện khai báo về hành vi phạm tội của bản thân, khi hành vi phạm tội chưa bị phát hiện, cũng như hành vi tự nguyện khai báo về hành vi phạm tội của bị cáo T1, thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội tự thú*” và “*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm*” theo quy định tại điểm r, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo là đối tượng không có công việc và thu nhập nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng:

Đối với 01 biển số xe 14F2-7036 xác định là biển giả không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với 01 cà lê 10-14 là công cụ phạm tội hiện không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại Nokia 1280 thu giữ của bị cáo T. Tại phiên Tòa, bị cáo có quan điểm không đề nghị xin lại tài sản đã thu giữ, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật. Do vậy, cần tịch thu của bị cáo T chiếc điện thoại Nokia 1280 cho phát mại để sung vào công quỹ nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô Future (không đeo biển số), T khai là của bị cáo T sử dụng làm phương tiện phạm tội ngày 25/01/2019 và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter (không đeo biển số), T1 khai là của bị cáo T1 sử dụng làm phương tiện phạm tội ngày 22/3/2019. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T, T1 khai nhận sau khi phạm tội, các bị cáo đã bán sất vụn hai chiếc xe trên cho người phụ nữ (không rõ tên tuổi), trong đó bị cáo T xác định đã bán được 470.000đồng, bị cáo T1 bán chiếc xe được 1.000.000đồng, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Kinh Môn không thu hồi được hai chiếc xe trên, . Xác định, đây là số tiền T, T1 bán phương tiện phạm tội mà có, chưa quả lý được nên cần truy thu của các bị cáo số tiền này để sung vào công quỹ nhà nước.

Đối với ông Trương Văn H và anh Trường văn T5 là bố và anh trai của bị cáo T ở cùng phòng trọ với T không biết việc T cất giấu tài sản trộm cắp được tại phòng trọ của gia đình. Bà Lê Thị T4 không biết việc bị cáo T cất giấu tài sản trộm cắp được tại ngôi nhà bỏ hoang của mình. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Kinh Môn không đặt ra việc xử lý đối với ông H, bà T4, anh T5 là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại FZ 150 (không có biển số) thu giữ của T. Quá trình điều tra, xác định chiếc xe trên T và T1 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh Môn chuyển vật chứng là chiếc xe trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng để điều tra làm rõ, giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 30/5/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Thủy Nguyên đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với các bị cáo.

[7] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ vào:*

+ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T1; điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trương Văn T; áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 đối với các bị cáo Trương Văn T và Nguyễn Văn T1.

+ Áp dụng thêm điểm r, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối bị cáo Trương Văn T.

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

+ Áp dụng: Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Trương Văn T và Nguyễn Văn T1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- *Hình phạt chính:*

+ Xử phạt Trương Văn T 33 (*ba mươi ba*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam, ngày **04/4/2019**.

+ Xử phạt Nguyễn Văn T1 12 (*mười hai*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- *Xử lý vật chứng:*

+ Tịch thu của bị cáo T 01 chiếc điện thoại Nokia 1280, màu đen, IME2: 357382/04/564062/1(đã qua sử dụng) cho phát mại để sung vào công quỹ nhà nước.

+ Tịch thu cho tiêu hủy 01 biển số xe 14F2-7036(đã qua sử dụng).

+ Tịch thu cho tiêu hủy 01 cà lê 10-14 (đã qua sử dụng).

+ Truy thu của bị cáo T số tiền 470.000đồng (là tiền bị cáo có được do bán phương tiện phạm tội mà có) để sung vào công quỹ nhà nước.

+ Truy thu của bị cáo T1 số tiền 1.000.000đồng (là tiền bị cáo có được do bán phương tiện phạm tội mà có) để sung vào công quỹ nhà nước.

(*Số lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/10/2019 giữa Công an huyện Kinh Môn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn*).

- *Án phí:* Bị cáo Trương Văn T, Nguyễn Văn T1 phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- *Quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm; có mặt các bị cáo, vắng mặt những người bị hại. Đã báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn

15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Công an huyện Kinh Môn;
- Trại tạm giam Kim Chi - CA tỉnh Hải Dương.
- Trại tạm giam Công an T.P Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn.
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương.
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Khánh